TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-02-2023
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Nga**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Văn Đém**

2/ Ông **Nguyễn Văn Bình**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phan Nguyễn Mộng Cầm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Trúc Ly** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 426/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022, về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1995 (Có mặt)

Địa chỉ ấp P1, xã T, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Vũ P, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ ấp P1, xã T, huyện O, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 10/10/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy T trình bày: Chị và anh Nguyễn Vũ P thành hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện O ngày 23/01/2017. Vợ chồng sống chung thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2022 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh P thường xuyên uống rượu về đánh đập chị, vợ chồng không có tiếng nói chung nên không khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị yêu cầu Tòa án giải

quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Vũ P. Về con chung, thời gian chị và anh P sống chung có 01con chung tên Nguyễn Anh Q, sinh ngày 09/11/2018 hiện đang sống chung với anh P, chị đồng ý để anh P tiếp tục nuôi con, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Vũ P đã được Toà án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Toà án.

Tại biên bản xác minh ngày 28/12/2022 bà Trương Thị Tuyết Em mẹ ruột của anh Nguyễn Vũ P trình bày: Chị Nguyễn Thị Thủy T và anh Nguyễn Vũ P thành hôn năm 2017, vợ chồng sống chung với bà được 04 năm. Đến đầu năm 2022, vợ chồng đi thành phố làm thuê, chị Thủy T có biểu hiện không chung thủy trong quan hệ vợ chồng nên anh P có đánh đập chị T, chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, anh P nhiều lần đến hàn gắn và rước chị T về nhưng chị T không về nên vợ chồng cắt đứt quan hệ cho đến nay. Về con chung của chị T và anh P là cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 09/11/2018 hiện đang sống chung với anh P. Từ lúc chị T và anh P cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay, cháu Qdo anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu phát triển tốt và học hành đầy đủ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia các phiên hòa giải, phiên họp công khai chứng cứ và phiên tòa là vi phạm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia

đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thủy T được ly hôn với anh Nguyễn Vũ P.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Anh Q, sinh ngày 09/11/2018 cho anh P nuôi dưỡng. Chị Thủy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thủy T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thủy T có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Vũ P vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thủy T và anh Nguyễn Vũ P thành hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện O, tỉnh Vĩnh Long ngày 23/01/2017 nên xem đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, giữa chị Nguyễn Thị Thủy T và anh Nguyễn Vũ P có xảy ra mâu thuẫn do anh P nghi ngờ lòng chung thủy của chị T đã đánh đập chị T nhưng sau đó anh P đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả. Mặc khác, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hòa giải nhiều lần nhưng anh P vắng mặt không lý do, chứng tỏ anh P không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn

của chị Nguyễn Thị Thủy T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Giữa chị Nguyễn Thị Thủy T và anh Nguyễn Vũ P có 01 con chung tên Nguyễn Anh Quân, sinh ngày 09/11/2018 hiện đang sống chung với anh P, chị Thủy T đồng ý để anh P tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị Thủy T và anh P cắt đứt quan hệ đến nay cháu Nguyễn Anh Qsống chung với anh P, được anh P chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo, cháu được học hành đầy đủ nên chị Thủy T đồng ý để anh P tiếp tục nuôi con. Mặc khác, anh P đã nhận được bản sao đơn khởi kiện và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến gì về việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung, chứng tỏ anh P thống nhất ý kiến của chị Thủy T. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy để ổn định cuộc sống của cháu Anh Q cần giao con chung là Nguyễn Anh Q, sinh ngày 09/11/2018 cho anh Nguyễn Vũ P tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị Nguyễn Thị Thủy T không trực tiếp nuôi con nhưng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Vũ P không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con, do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị T.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thủy T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thủy T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27, của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thủy T được ly hôn với anh Nguyễn Vũ P

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Anh Q, sinh ngày 09/11/2018 cho anh Nguyễn Vũ P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thủy T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 27/02/2023) và có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh Nguyễn Vũ P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Thủy T chưa thực hiện xong nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng chị T còn phải chịu lãi theo mức lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Thủy T có nghĩa vụ nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn và 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng định kỳ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014849 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, còn lại 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* buộc chị Thủy T có nghĩa vụ nộp tiếp.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã T (GCNKH số 06, ngày 23/01/2017;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Nga